

I. MA TRẬN

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Chủ đề 1. Số tự nhiên (23 tiết)	Nội dung 1. <i>Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên.</i>	1		2						7,5
		Nội dung 2. <i>Các phép tính với số tự nhiên. Thứ tự thực hiện phép tính. Phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên</i>		2	2	2		3			55
		Nội dung 3. <i>Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố.</i>	3							1	12,5
2	Chủ đề 2. Các hình phẳng trong thực tiễn (9 tiết)	Nội dung 1. <i>Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều</i>	1								2,5
		Nội dung 2. <i>Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành</i>	3			1		1			22,5
Tổng			8	2	4	3		4		1	22
Tỉ lệ %			40%		30%		25%		5%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

II. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề 1. Số tự nhiên	Nội dung 1. Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên.	Nhận biết – Nhận biết số La Mã.	1TN C3			
			Thông hiểu – Viết đúng tập hợp		2TN C1,2		
		Nội dung 2. <i>Các phép tính với số tự nhiên. Thứ tự thực hiện phép tính. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên</i>	Nhận biết – Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính.	2TL C13a, 14a			
			Thông hiểu – Hiểu được thứ tự thực hiện các phép tính.		2TN C4,5 2TL C13b, 14b		
			Vận dụng – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán. – Thực hiện được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên. – Vận dụng được các tính chất của phép tính (kể cả			3TL C13c, 14c, 15	

			phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên) để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí. – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với thực hiện các phép tính (ví dụ: tính tiền mua sắm, tính lượng hàng mua được từ số tiền đã có, ...).				
		Nội dung 3. Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố.	Nhận biết – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội. – Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số.	3TN C6,7,8			
			Vận dụng cao – Vận dụng được kiến thức số học để chứng minh bài toán chia hết.				1TL C17
		Nội dung 1. Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều	Nhận biết – Nhận biết được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều, diện tích hình vuông	1TN C9			
2	Chủ đề 2. Các hình phẳng trong thực tiễn	Nội dung 2. Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành	Nhận biết -Nhận biết được chu vi hình thoi.	3TN C10,11,12			
			Thông hiểu Tìm được chiều dài, chiều rộng để tính chu vi hình chữ nhật.		1TL C16a		
			Vận dụng – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói			1TL C16b	

			trên.				
Tổng				10	7	4	1
Tỉ lệ %				40%	30%	25%	5%
Tỉ lệ chung				70%		30%	

ĐỀ CHÍNH THỨC

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,00 điểm) *Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất và dùng bút chì đen tô kín một ô tròn tương ứng phương án trả lời đúng trong phiếu trả lời trắc nghiệm.*

Câu 1. Tập hợp các chữ số xuất hiện trong số 20 242 025 là:

- A.** {0; 2; 4; 5}. **B.** {0; 2; 4}. **C.** {0; 1; 2; 4}. **D.** {1; 2; 4}.

Câu 2. Cách viết đúng tập hợp A gồm các số tự nhiên nhỏ hơn 3 là:

- A.** $A = \{1; 2; 3\}$. **B.** $A = \{x | x \in \mathbb{N}, x \leq 3\}$. **C.** $A = \{1; 2\}$. **D.** $A = \{0; 1; 2\}$.

Câu 3. Số 26 viết bằng số La Mã là :

- A.** XXVI. **B.** XIV. **C.** XXIV. **D.** XXV.

Câu 4. Kết quả của phép tính $5^6 \cdot 5$ là:

- A.** 5^7 . **B.** 5^6 . **C.** 25^7 . **D.** 25^6 .

Câu 5. Bạn Lâm mua 5 chiếc bút bi với giá 3 500 đồng/chiếc; 2 quyển vở với giá 7 500 đồng/quyển và 2 chiếc bút máy với giá 25 000 đồng/chiếc. Số tiền bạn Lâm phải trả là:

- A.** 20 000 đồng. **B.** 72 500 đồng. **C.** 50 500 đồng. **D.** 82 500 đồng.

Câu 6. Các số tự nhiên x và y sao cho $\overline{x45y}$ chia hết cho cả 2; 3; 5; 9 lần lượt là:

- A.** $x = 0$; $y = 0$. **B.** $x = 5$; $y = 9$. **C.** $x = 9$; $y = 0$. **D.** $x = 3$; $y = 0$.

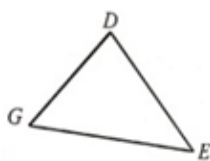
Câu 7. Số nào là số nguyên tố?

- A.** 12. **B.** 215. **C.** 17. **D.** 63.

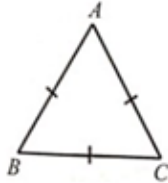
Câu 8. Tổng $15 + 30$ chia hết cho số nào sau đây?

- A.** 2 và 3. **B.** 3 và 5. **C.** 2; 3 và 5. **D.** 2; 3; 5 và 9.

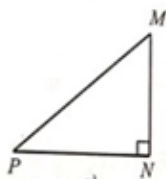
Câu 9. Trong các hình dưới đây, hình nào là tam giác đều?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

- A.** Hình 1. **B.** Hình 2. **C.** Hình 3. **D.** Hình 4.

Câu 10. Hình vuông ABCD có cạnh 6 cm. Diện tích của hình vuông ABCD là:

- A.** $36 \text{ (cm}^2\text{)}$. **B.** $24 \text{ (cm}^2\text{)}$. **C.** 36 (cm) . **D.** 24 (cm) .

Câu 11. Diện tích hình thoi có độ dài hai đường chéo là 7 dm và 12 dm là:

- A.** $84 \text{ (dm}^2\text{)}$. **B.** $42 \text{ (dm}^2\text{)}$. **C.** $70 \text{ (dm}^2\text{)}$. **D.** 84 (dm) .

Câu 12. Một hình chữ nhật có chu vi 24 cm, chiều rộng là 5 cm. Diện tích hình chữ nhật đó là:

- A.** $15 \text{ (cm}^2\text{)}$. **B.** $25 \text{ (cm}^2\text{)}$. **C.** $35 \text{ (cm}^2\text{)}$. **D.** $24 \text{ (cm}^2\text{)}$.

II. PHẦN TỰ LUẬN (7,00 điểm)

Câu 13. (2,00 điểm) Thực hiện phép tính:

a) $27 \cdot 75 + 25 \cdot 27 - 150$

b) $142 - [50 - (2^3 \cdot 10 - 2^3 \cdot 5)]$

c) $375 : \{32 - [4 + (5 \cdot 3^2 - 42)]\} - 14$

Câu 14. (2,00 điểm) Tìm số tự nhiên x , biết:

a) $124 - x = 96$.

b) $78 + (32 - 4x) = 90$.

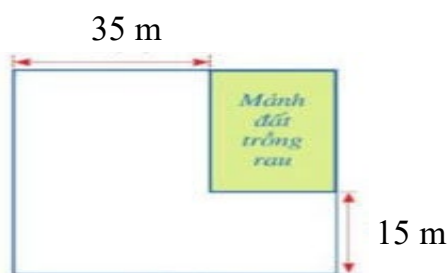
c) $145 - (x + 3) : 2 = 8^2$.

Câu 15. (1,00 điểm) Một thư viện có 2 865 quyển sách được xếp vào các giá sách. Mỗi giá sách có 5 ngăn, mỗi ngăn xếp được 35 quyển sách. Hỏi thư viện cần ít nhất bao nhiêu giá sách để xếp hết số sách trên?

Câu 16. (1,50 điểm) Bác Ba có khu vườn hình chữ nhật có diện tích 1 750 m², chiều dài 50 m.

a) Bác Ba làm hàng rào xung quanh khu vườn bằng dây thép gai, biết khu vườn có một cửa ra vào rộng 5 m. Hỏi cần phải dùng bao nhiêu mét dây thép gai để làm hàng rào?

b) Bác Ba đã cải tạo một mảnh đất để trồng rau bên trong khu vườn (*như hình vẽ*). Tính diện tích mảnh đất trồng rau.



Câu 17. (0,50 điểm) Một cửa hàng có 6 thùng hàng, khối lượng mỗi thùng là 316 kg, 327 kg, 336 kg, 338 kg, 349 kg, 351 kg. Cửa hàng đó đã bán 5 thùng, trong đó khối lượng hàng bán buổi sáng gấp bốn buổi chiều. Hỏi thùng còn lại là thùng chứa bao nhiêu ki-lô-gam?

- HẾT -

(Đề có 02 trang; Học sinh không được sử dụng tài liệu; Giáo viên coi kiểm tra không giải thích gì thêm)

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024 - 2025

MÔN TOÁN lớp 6

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,00 điểm) Mỗi câu đúng đạt 0,25đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	D	A	A	D	C	C	B	B	A	B	C

II. PHẦN TỰ LUẬN (7,00 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
13a	$27 \cdot 75 + 25 \cdot 27 - 150$	1,00 điểm
	$= 27 \cdot (75 + 25) - 150$	0,50
	$= 27 \cdot 100 - 150$	
	$= 2700 - 150 = 2550$	0,50
13b	$142 - [50 - (2^3 \cdot 10 - 2^3 \cdot 5)]$	0,50 điểm
	$= 142 - [50 - 2^3 \cdot (10 - 5)]$	
	$= 142 - [50 - 2^3 \cdot 5]$	0,25
	$= 142 - [50 - 8 \cdot 5]$	
	$= 142 - [50 - 40]$	
	$= 142 - 10 = 132$	0,25
13c	$375 : \{32 - [4 + (5 \cdot 3^2 - 42)]\} - 14$	0,50 điểm
	$= 375 : \{32 - [4 + (5 \cdot 9 - 42)]\} - 14$	
	$= 375 : \{32 - [4 + (45 - 42)]\} - 14$	0,25
	$= 375 : \{32 - [4 + 3]\} - 14$	
	$= 375 : \{32 - 7\} - 14$	
	$= 375 : 25 - 14$	0,25
	$= 15 - 14 = 1$	
14a	$124 - x = 96$	1,00 điểm
	$x = 124 - 96$	0,50
	$x = 28$	0,50
14b	$78 + (32 - 4x) = 90$	0,50 điểm
	$32 - 4x = 90 - 78$	
	$32 - 4x = 12$	0,25
	$4x = 32 - 12$	
	$4x = 20$	
	$x = 20 : 4$	0,25
	$x = 5$	

	$145 - (x + 3): 2 = 8^2$	0,50 điểm
14c	$145 - (x + 3): 2 = 64$ $(x + 3): 2 = 145 - 64$ $(x + 3): 2 = 81$	0,25
	$x + 3 = 81. 2$ $x + 3 = 162$ $x = 162 - 3$ $x = 159$	0,25
15	Một thư viện có 2 865 quyển sách được xếp vào các giá sách. Mỗi giá sách có 5 ngăn, mỗi ngăn xếp được 35 quyển sách. Hỏi thư viện cần ít nhất bao nhiêu giá sách để xếp hết số sách trên?	1,00 điểm
	Số quyển sách có thể xếp được trên 1 giá là: $5 \cdot 35 = 175$ (quyển)	0,50
	Ta có: $2865 : 175 = 16$ (dư 65)	0,25
	Do đó số giá sách cần ít nhất để xếp hết số sách trên là: $16 + 1 = 17$ (giá sách)	0,25
16	Bác Ba có khu vườn hình chữ nhật có diện tích 1 750 m², chiều dài 50 m. a) Bác Ba làm hàng rào xung quanh khu vườn bằng dây thép gai, biết khu vườn có một cửa ra vào rộng 5 m. Hỏi cần phải dùng bao nhiêu mét dây thép gai để làm hàng rào? b) Bác Ba đã cải tạo một mảnh đất để trồng rau bên trong khu vườn (như hình vẽ). Tính diện tích mảnh đất trồng rau. Bác Ba có khu vườn hình chữ nhật có diện tích 1 750 m², chiều dài 50 m.	1,50 điểm
16a	Chiều rộng của khu vườn: $1\,750 : 50 = 35$ m	0,25
	Chu vi khu vườn hình chữ nhật: $2 \cdot (50 + 35) = 170$ m	0,25
	Số mét dây thép gai dùng để làm hàng rào: $170 - 5 = 165$ m	0,25
16b	Chiều rộng mảnh đất trồng rau: $50 - 35 = 15$ m	0,25
	Chiều dài mảnh đất trồng rau: $35 - 15 = 20$ m	0,25
	Diện tích mảnh đất trồng rau: $15 \cdot 20 = 300$ m ²	0,25
17	Một cửa hàng có 6 thùng hàng, khối lượng mỗi thùng là 316 kg, 327 kg, 336 kg, 338 kg, 349 kg, 351 kg. Cửa hàng đó đã bán 5 thùng, trong đó khối lượng hàng bán buổi sáng gấp bốn buổi chiều. Hỏi thùng còn lại là thùng chứa bao nhiêu ki-lô-gam?	0,50 điểm
	Tổng khối lượng hàng là: $316 + 327 + 336 + 338 + 349 + 351 = 2\,017$ (kg) là một số chia cho 5 dư 2.	0,25
	Số kg hàng đã bán là một số chia hết cho 5 nên số kg hàng còn lại phải là một số chia cho 5 dư 2. Do đó thùng còn lại chứa 327 kg	0,25

* **Ghi chú:** Học sinh giải cách khác nếu đúng vẫn cho điểm tối đa ở từng phần tương ứng.

Xem thêm: ĐỀ THI GIỮA HK1 TOÁN 6
<https://thcs.toanmath.com/de-thi-giua-hk1-toan-6>